BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu in DSTN1

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: MT2

Học kỳ 2 - Năm học 2020-2021

Đơn vị: Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
Ngành học: Quản lý đất đai (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1404350	Nguyễn Trần Phúc Thiện	18/04/96	MT1425A9		2.75	144	Khá	Quản lý đất đai		SS
2	B1602032	Hồ Quốc Khởi	10/02/96	MT1625A1		2.62	140	Khá	Quản lý đất đai		
3	B1602067	Huỳnh Bél Ty	27/07/98	MT1625A1		2.60	140	Khá	Quản lý đất đai		
4	B1602082	Nguyễn Thành Đồng	01/01/97	MT1625A2		2.84	140	Khá	Quản lý đất đai		
5	B1701855	Trường Loan Anh	06/09/99	MT1725A1	N	3.01	140	Khá	Quản lý đất đai		
6	B1701862	Nguyễn Trường Giang	17/05/99	MT1725A1		3.48	140	Giỏi	Quản lý đất đai		
7	B1701882	Nguyễn Minh Nghĩa	22/05/99	MT1725A1		3.23	140	Giỏi	Quản lý đất đai		
8	B1701899	Huỳnh Trung Tính	15/01/99	MT1725A1		3.00	140	Khá	Quản lý đất đai		
9	B1701900	Tống Thị Ngọc Trâm	29/06/99	MT1725A1	N	3.03	140	Khá	Quản lý đất đai		
10	B1701910	Lê Thị Vân Anh	29/10/99	MT1725A2	N	2.90	140	Khá	Quản lý đất đai		
11	B1701911	Phạm Gia Bảo	09/06/99	MT1725A2		2.56	140	Khá	Quản lý đất đai		
12	B1701915	Nguyễn Thị Quyễn Duy	25/12/99	MT1725A2	N	3.04	142	Khá	Quản lý đất đai		
13	B1701917	Cao Thị Cẩm Lệ Gian	23/02/99	MT1725A2	N	3.41	140	Giỏi	Quản lý đất đai		
14	B1701921	Nguyễn Thị Gia Hân	16/09/97	MT1725A2	N	3.35	142	Giỏi	Quản lý đất đai		
15	B1701942	Trương Hữu Thiện Nhân	03/10/99	MT1725A2		3.01	147	Khá	Quản lý đất đai		
16	B1701943	Phạm Tuyết Nhi	01/09/99	MT1725A2	N	3.13	140	Khá	Quản lý đất đai		
17	B1701948	Chung Thị Tố Quyên	26/11/99	MT1725A2	N	2.85	140	Khá	Quản lý đất đai		
18	B1701954	Lê Thái Thy	30/11/99	MT1725A2	N	3.11	140	Khá	Quản lý đất đai		
19	B1701958	Lê Văn Trí	23/10/99	MT1725A2		2.83	140	Khá	Quản lý đất đai		
Ngành học: Khoa học môi trường (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1702361	Nguyễn Ngọc Lan Anh	28/09/99	MT1738A1	N	2.89	140	Khá	Khoa học môi trường		
2	B1702368	Lê Thị Thúy Duy	29/09/99	MT1738A1	N	3.05	141	Khá	Khoa học môi trường		
3	B1702370	Huỳnh Thị Thùy Dương	03/09/99	MT1738A1	N	2.86	141	Khá	Khoa học môi trường		
4	B1702388	Trương Ngọc Tuyết Mai	08/09/99	MT1738A1	N	2.99	141	Khá	Khoa học môi trường		
5	B1702394	Nguyễn Thảo Nguyên	22/05/99	MT1738A1	N	2.72	140	Khá	Khoa học môi trường		
6	B1702400	Nguyễn Huỳnh Như	21/12/99	MT1738A1	N	2.81	141	Khá	Khoa học môi trường		
7	B1702416	Vương Minh Thư	25/11/99	MT1738A1	N	2.83	140	Khá	Khoa học môi trường		
8	B1702419	Đặng Huyền Trân	04/09/99	MT1738A1	N	2.89	141	Khá	Khoa học môi trường		
9	B1702430	Lâm Tường Vy	09/12/99	MT1738A1	N	2.94	145	Khá	Khoa học môi trường		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: MT2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
10	B1702434	Nguyễn Hoàng Duy Anh	01/01/99	MT1738A2		2.73	140	Khá	Khoa học môi trường		
11	B1702456	Nguyễn Tuấn Kiệt	24/06/98	MT1738A2		2.79	140	Khá	Khoa học môi trường		
12	B1702460	Vũ Thị Thùy Linh	15/11/99	MT1738A2	N	3.07	141	Khá	Khoa học môi trường		
13	B1702462	Đoàn Hùng Minh	22/09/99	MT1738A2		3.27	144	Giỏi	Khoa học môi trường		
14	B1702464	Lê Phương Hiếu Nghi	29/11/99	MT1738A2	N	2.73	140	Khá	Khoa học môi trường		
15	B1702468	Lê Thanh Nhã	03/01/98	MT1738A2		2.99	140	Khá	Khoa học môi trường		
16	B1702486	Võ Thị Phương Thuy	23/04/99	MT1738A2	N	2.98	140	Khá	Khoa học môi trường		
17	B1702495	Nguyễn Thanh Triều	16/10/99	MT1738A2		2.72	140	Khá	Khoa học môi trường		
Ngành học: Kỹ thuật môi trường (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1500382	Khương Văn Nhứt Nông	06/01/96	MT1557A2		2.35	140	Trung bình	Kỹ thuật môi trường		
2	B1603478	Trần Quốc Bảo	02/10/98	MT1657A1		2.18	142	Trung bình	Kỹ thuật môi trường		
3	B1603493	Kim Thanh Hùng	30/10/97	MT1657A1		2.50	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
4	B1603521	Lê Nguyên Thảo	14/07/98	MT1657A1	N	2.70	148	Khá	Kỹ thuật môi trường		
5	B1702897	Mai Vân Anh	20/09/99	MT1757A1	N	2.73	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
6	B1702902	Trần Anh Duy	01/01/97	MT1757A1		2.75	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		
7	B1702903	Đỗ Thị Mỹ Duyên	16/06/99	MT1757A1	N	2.64	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
8	B1702904	Nguyễn Tấn Đạt	22/06/99	MT1757A1		2.57	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
9	B1702911	Trần Thị Ngọc Huyền	26/07/99	MT1757A1	N	3.49	142	Giỏi	Kỹ thuật môi trường		
10	B1702914	Nguyễn Minh Khang	26/10/99	MT1757A1		2.60	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
11	B1702917	Hồ Thị Thiên Kim	20/07/99	MT1757A1	N	2.22	140	Trung bình	Kỹ thuật môi trường		
12	B1702927	Trương Thị Thúy Ngân	29/10/99	MT1757A1	N	2.91	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
13	B1702951	Nguyễn Phước Thi	06/08/99	MT1757A1		3.07	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		
14	B1702952	Nguyễn Minh Thuận	04/09/99	MT1757A1		2.75	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
15	B1702962	Phan Lương Thanh Tuyền	08/09/99	MT1757A1	N	2.94	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
16	B1702968	Lê Nguyễn Tú Anh	02/09/99	MT1757A2	N	2.68	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		
17	B1702981	Huỳnh Ngọc Hòa	02/07/99	MT1757A2	N	2.78	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		
18	B1702983	Nguyễn Ngọc Huỳnh	28/11/99	MT1757A2	N	2.88	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
19	B1702986	Nguyễn Trí Khang	29/04/99	MT1757A2		2.70	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
20	B1702994	Nguyễn Thị Diễm Mi	15/07/99	MT1757A2	N	2.82	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
21	B1703000	Trần La Mỹ Nghi	01/05/99	MT1757A2	N	2.64	144	Khá	Kỹ thuật môi trường		
22	B1703002	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	26/09/99	MT1757A2	N	3.27	147	Giỏi	Kỹ thuật môi trường		
23	B1703013	Văn Công Hoàng Phúc	15/05/99	MT1757A2		3.09	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
24	B1703014	Lê Đặng Bảo Phương	29/09/99	MT1757A2	N	2.75	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
25	B1703018	Lê Thị Diệu Sang	15/07/99	MT1757A2	N	2.66	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
26	B1703023	Lê Minh Thuận	13/02/99	MT1757A2		2.56	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: MT2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
27	B1703037	Nguyễn Huỳnh Xuyên	26/06/99	MT1757A2		2.73	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
28	B1709880	Vũ Nhật Tân	25/05/99	MT1757A1		2.70	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
29	B1709881	Trương Mỹ Thanh	02/03/99	MT1757A1	N	2.42	140	Trung bình	Kỹ thuật môi trường		
30	B1709884	Mai Như Thuần	03/11/99	MT1757A1		2.62	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
31	B1709888	Nguyễn Huỳnh Anh	27/07/99	MT1757A2	N	2.55	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
32	B1709889	Lê Kiều Diễm	21/09/98	MT1757A2	N	2.73	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
33	B1709892	Trần Huỳnh Hồng Hạnh	05/10/99	MT1757A2	N	2.72	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		
34	B1709894	Nguyễn Đính Khương	19/11/96	MT1757A2		2.62	142	Khá	Kỹ thuật môi trường		
35	B1709900	Danh Si Thai	10/04/99	MT1757A2	N	2.85	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
36	B1709902	Trương Thị Thanh Thảo	23/07/99	MT1757A2	N	2.56	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
37	C1800254	Huỳnh Lê Công Minh	15/03/97	MT1857A2		2.59	140	Khá	Kỹ thuật môi trường		
Ngành học: Kỹ thuật tài nguyên nước (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1506068	Lê Thị Thanh Tâm	22/12/97	MT15U2A2	N	2.63	147	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
2	B1605555	Huỳnh Thị Mỹ Diền	08/10/98	MT16U2A1	N	2.94	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
3	B1605564	Vũ Lý Khả Hân	10/10/98	MT16U2A1	N	2.70	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
4	B1605569	Lê Thanh Huy	09/02/98	MT16U2A1		3.16	147	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
5	B1605579	Huỳnh Tấn Lộc	13/10/97	MT16U2A1		3.05	144	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
6	B1705400	Trần Ngọc Minh Châu	30/12/99	MT17U2A1	N	2.99	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
7	B1705401	Nguyễn Ngô Cường	26/05/99	MT17U2A1		2.82	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
8	B1705402	Phạm Thanh Đạt	10/08/99	MT17U2A1		2.89	144	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
9	B1705406	Dương Hoàng Huy	09/01/99	MT17U2A1		3.01	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
10	B1705407	Bùi Thanh Huyền	23/03/99	MT17U2A1		3.05	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
11	B1705409	Lương Minh Khoa	24/04/99	MT17U2A1		2.62	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
12	B1705410	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	24/10/99	MT17U2A1	N	2.84	142	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
13	B1705412	Trần Phi Long	21/07/99	MT17U2A1		2.83	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
14	B1705414	Lý Ngọc Phương	15/10/99	MT17U2A1	N	3.12	142	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
15	B1705417	Bùi Chí Tân	07/02/97	MT17U2A1		2.88	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
16	B1705418	Nguyễn Trung Tấn	06/06/99	MT17U2A1		2.84	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
17	B1705420	Trần Mỹ Thanh	06/05/99	MT17U2A1	N	3.10	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
18	B1705421	Nguyễn Thị Hồng Thơ	01/12/99	MT17U2A1	N	2.85	142	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
19	B1705422	Lê Thị Anh Thư	28/11/99	MT17U2A1	N	3.11	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
20	B1705424	Nguyễn Đình Phương Trân	07/03/99	MT17U2A1	N	3.09	147	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
21	B1705426	Bùi Phú Trọng	17/07/99	MT17U2A1		2.71	153	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
22	B1705428	Dương Huỳnh Lan Tường	28/08/99	MT17U2A1	N	3.20	140	Giỏi	Kỹ thuật tài nguyên nước		
23	B1705430	Phan Thị Tường Vi	11/05/99	MT17U2A1	N	3.32	142	Giỏi	Kỹ thuật tài nguyên nước		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: MT2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
24	B1705431	Cao Lưu Phượng Vy	16/07/99	MT17U2A1	N	3.47	144	Giỏi	Kỹ thuật tài nguyên nước		
25	B1705432	Chiêm Hoàng Yến	27/08/99	MT17U2A1	N	2.81	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
26	B1709980	Châu Mai Phương Thảo	01/01/99	MT17U2A1	N	2.81	144	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
27	B1709981	Phan Thi Thi	08/03/99	MT17U2A1	N	3.11	142	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
28	B1709982	Lê Phương Trang	01/04/99	MT17U2A1	N	3.00	142	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
29	B1709984	Nguyễn Hoàng Tuấn	22/05/97	MT17U2A1		3.18	140	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
30	B1709985	Tống Gia Vĩ	14/11/99	MT17U2A1		2.61	145	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
31	B1709986	Trương Mỹ Xuân	02/03/99	MT17U2A1	N	2.68	142	Khá	Kỹ thuật tài nguyên nước		
Ngành học: Lâm sinh (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1506757	Ngô Công Hùng	11/07/97	MT15V4A1		2.25	148	Trung bình	Lâm sinh		
Ngành học: Quản lý tài nguyên và môi trường (Hệ Đại học - Chính quy)											
1	B1708541	Huỳnh Công Danh	08/01/99	MT17X7A1		2.91	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
2	B1708543	Phạm Thành Đủ	29/08/99	MT17X7A1		2.84	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
3	B1708544	Trần Nguyễn Hương Giang	26/12/99	MT17X7A1	N	2.64	146	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
4	B1708549	Nguyễn Phúc Hưng	24/08/99	MT17X7A1		2.79	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
5	B1708550	Hồ Nguyễn Thiện Hữu	13/04/99	MT17X7A1		2.66	147	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
6	B1708551	Nguyễn Quốc Khánh	12/12/98	MT17X7A1		3.03	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
7	B1708555	Lê Thị Huỳnh Mai	12/02/99	MT17X7A1	N	3.22	140	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
8	B1708557	Nguyễn Vĩnh Nghi	13/03/99	MT17X7A1		2.88	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
9	B1708565	Ngô Hoàng Thảo	22/08/99	MT17X7A1	N	3.34	147	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
10	B1708566	Võ Quốc Thịnh	26/11/99	MT17X7A1		3.18	144	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
11	B1708567	Nguyễn Thị Diễm Thúy	31/03/99	MT17X7A1	N	3.24	140	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường		
12	B1708572	Phù Nhật Trường	11/03/99	MT17X7A1		2.96	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - ĐỢT: MT2

STT	Mã SV	Họ và tên	Ng/Sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
13	B1708594	Phạm Xuân Nghi	14/04/99	MT17X7A2	N	2.84	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
14	B1708596	Nguyễn Hải Nhi	22/04/99	MT17X7A2	N	2.81	144	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
15	B1708597	Đái Thị Huỳnh Như	13/10/99	MT17X7A2	N	2.69	140	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		
Ngành học: Quản lý tài nguyên và môi trường (Hệ Đại học - Chính quy (liên thông cao đẳng lên đại học))											
1	C1800270	Lê Long Hải	25/12/95	MT18X7L1		2.59	142	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường		

Tổng số danh sách: **121** sinh viên

Ngày 07 tháng 07 năm 2021

Phó Trưởng Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiê

Trưởng phòng công tác sinh viên

Trưởng phòng đào tạo